

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	7 – 46
Bảng cân đối kế toán	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 46

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300296337 ngày 14 tháng 02 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính là:

- Kinh doanh các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Kinh doanh các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Kinh doanh bán thành phẩm máy biến áp: Xè băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Kinh doanh các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Kinh doanh các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Kinh doanh dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1.200mm², điện áp đến 500KV;
- Kinh doanh cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vện xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Kinh doanh dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Kinh doanh các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Kinh doanh dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê tài sản.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Cần	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Cương	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Hồng Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phụ trách kế toán

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2024

TM. Ban Lãnh đạo
Chủ tịch HĐQT

Mãn Ngọc Anh

Số: 55.6/2024/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, được lập ngày 31 tháng 7 năm 2024, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở chính

54/3 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi Nhánh Hà Nội

Phòng 903 tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa,
quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info.hn@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.20, V.06, V.07 và V.10 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng về việc giảm vốn điều lệ và tài sản tương ứng của Công ty trong năm, theo đó, Công ty giảm vốn điều lệ từ 4.686,8 tỷ đồng xuống 2.699 tỷ đồng thông qua hoàn trả lại tài sản góp vốn và giảm vốn của các cổ đông.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2024

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Kiểm toán viên

Đình Hữu Anh Khoa

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5717-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.715.399.903.859	2.352.619.946.541
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.355.177.717	7.127.344.496
1.	Tiền	111	V.01	3.355.177.717	7.127.344.496
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.007.041.642.896	842.808.556.959
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	115.041.054.237	152.669.561.516
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	554.256.415.823	366.165.324.979
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	337.744.172.836	323.973.670.464
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	2.687.077.228.099	1.498.838.487.905
1.	Hàng tồn kho	141		2.687.077.228.099	1.498.838.487.905
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		17.925.855.147	3.845.557.181
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	825.132.719	920.361.015
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.095.126.706	941.753.870
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	5.595.722	1.983.442.296
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.736.513.507.704	6.192.197.261.400
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		790.115.961.040	808.541.888.671
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	607.733.335.593	625.623.132.320
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	121.935.822.961	121.935.822.961
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	60.446.802.486	60.982.933.390
II.	Tài sản cố định	220		22.927.443.667	921.075.254.272
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	21.716.712.682	25.333.795.825
	- Nguyên giá	222		85.526.915.762	85.526.915.762
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.810.203.080)	(60.193.119.937)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	400.302.623	7.101.939.025
	- Nguyên giá	225		33.508.181.819	33.508.181.819
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(33.107.879.196)	(26.406.242.794)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	810.428.362	888.639.519.422
	- Nguyên giá	228		1.463.337.543	889.263.337.543
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(652.909.181)	(623.818.121)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.11	32.019.687.948	32.257.007.508
	- Nguyên giá	231		34.248.178.718	34.248.178.718
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.228.490.770)	(1.991.171.210)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	1.656.774.270.086	3.215.037.277.712
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.299.599.623.571	2.866.593.936.186
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		357.174.646.515	348.443.341.526
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.233.201.101.626	1.212.843.894.780
1.	Đầu tư vào công ty con	251		1.060.919.255.321	1.027.031.058.563
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		170.822.795.858	36.301.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.459.050.447	149.511.836.217
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.475.043.337	2.441.938.457
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.475.043.337	2.441.938.457
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.451.913.411.563	8.544.817.207.941

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		4.602.709.608.307	3.720.148.479.828
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.565.462.982.704	1.374.443.732.369
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	74.112.712.955	273.539.958.532
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	97.223.119.711	88.551.073.855
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.602.343.234	2.400.841.870
4.	Phải trả người lao động	314		2.933.033.489	2.743.109.067
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	48.056.230.869	16.417.803.351
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	93.413.324.104	107.249.173.752
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	1.245.122.218.342	883.541.771.942
II.	Nợ dài hạn	330		3.037.246.625.603	2.345.704.747.459
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	-	5.896.920.674
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15	73.144.104.558	265.076.943.378
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.17	87.335.875.272	111.909.016.678
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18	228.541.456.784	6.020.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	2.580.937.552.788	1.912.487.773.764
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	67.287.636.201	44.314.092.965
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.849.203.803.256	4.824.668.728.113
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	2.849.203.803.256	4.824.668.728.113
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.699.000.000.000	4.686.800.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.699.000.000.000	4.686.800.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		150.203.803.256	137.868.728.113
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		137.868.728.113	68.259.794.872
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.335.075.143	69.608.933.241
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.451.913.411.563	8.544.817.207.941

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch HĐQT






Vũ Thị Kim Phượng

Trần Thị Thanh Huyền

Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.138.940.968.240	1.430.086.770.558
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.138.940.968.240	1.430.086.770.558
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	955.747.014.711	1.208.125.563.972
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		183.193.953.529	221.961.206.586
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	139.087.571	389.185.097
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	106.731.753.918	69.721.042.432
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		106.374.517.307	64.345.800.061
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	7.080.772.020	21.305.867.239
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	27.062.434.363	33.112.930.876
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.458.080.799	98.210.551.136
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	322.567.481	1.740.580.471
12.	Chi phí khác	32	VI.06	2.246.394.915	1.543.979.461
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.923.827.434)	196.601.010
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.534.253.365	98.407.152.146
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	5.225.634.986	2.082.001.241
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.09	22.973.543.236	26.716.217.664
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.335.075.143	69.608.933.241

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch HĐQT





Vũ Thị Kim Phượng

Trần Thị Thanh Huyền

Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		40.534.253.365	98.407.152.146
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		10.585.130.165	10.788.478.526
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	711.501.948
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(38.593.914)	(62.912.282)
-	Chi phí lãi vay	06		106.374.517.307	64.345.800.061
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		157.455.306.923	174.190.020.399
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(161.960.531.142)	26.928.124.906
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		820.824.867	(110.424.996.080)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(148.995.700.631)	92.579.553.421
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.062.123.416	809.648.615
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(138.428.778.208)	(85.860.800.260)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.082.001.243)	(1.363.430.175)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(292.128.756.018)	96.858.120.826
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(559.674.000.657)	(395.810.156.343)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(168.409.992.616)	(23.716.898.749)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		148.052.785.770	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.593.914	17.638.769.041
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(579.992.613.589)	(401.888.286.051)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.761.593.775.035	1.097.722.827.901
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(887.347.132.199)	(805.415.487.516)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.897.440.008)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.928.700)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		868.349.202.828	292.299.411.685
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.772.166.779)	(12.730.753.540)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.127.344.496	19.858.098.036
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		3.355.177.717	7.127.344.496

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2024

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Phượng

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Huyền

Chủ tịch HĐQT



Mẫn Ngọc Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính bao gồm:

- Kinh doanh các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Kinh doanh các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Kinh doanh bán thành phẩm máy biến áp: Xè băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Kinh doanh các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Kinh doanh các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Kinh doanh dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Kinh doanh cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Kinh doanh dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Kinh doanh các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Kinh doanh dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê tài sản.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty thực hiện giảm vốn điều lệ từ 4.686,8 tỷ đồng xuống còn 2.699 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện hay hoạt động bất thường nào khác có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

06. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Trung tâm Thương mại Hồng Kông – Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	Phố Mới, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

- Danh sách Công ty con gồm:

Tên Công ty con	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn thực góp tại 31/3/2024	Tỷ lệ vốn cam kết góp
- Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	Doanh nghiệp thực hiện dự án xây dựng công trình theo hình thức BT	100,00%	100,00%
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện – Găng tay Hanaka SVN	Sản xuất thiết bị điện	84,97%	84,97%
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	Doanh nghiệp thực hiện dự án xây dựng công trình theo hình thức BT	100,00%	100,00%
- Công ty Cổ phần SX Thiết bị điện - CGCN - MBA 100KV - 500KV Tokyo - Japan - Hanaka	Sản xuất máy biến áp truyền tải	83,14%	70,93%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands	Kinh doanh bất động sản	100,00%	99,00%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn thực góp tại 31/3/2024	Tỷ lệ vốn cam kết góp
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Xây dựng công trình điện, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, ...	100,00%	45,00%
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	22,14%	22,14%
- Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	100,00%	25,00%
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	Sản xuất cáp điện, cho thuê nhà xưởng	20,57%	20,57%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 là 83 người (tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 là 76 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

07. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà và quyền sử dụng đất	50 năm
- Đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao	

08. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

a) Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

c) Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

[Trường hợp 1:] Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.
- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

[Trường hợp 2:] Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.

Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

12. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống, ...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời gian của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán và cung cấp trong năm; chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

22. Thông tin về các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**01. Tiền***Đơn vị tính: VND*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	263.487.267	326.962.922
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.091.690.450	6.800.381.574
Cộng	<u>3.355.177.717</u>	<u>7.127.344.496</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
		Dự phòng		Dự phòng
02. Các khoản đầu tư tài chính				
- Đầu tư vào công ty con	1.060.919.255.321	-	1.027.031.058.563	-
+ Công ty Cổ phần SX Thiết bị điện - CGCN - MBA 100KV - 500KV Tokyo - Japan - Hanaka	742.376.371.663	(*)	708.488.174.905	(*)
+ Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	108.800.000.000	(*)	108.800.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện - Giảng tay Hanaka SVN	90.768.700.992	(*)	90.768.700.992	(*)
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands	974.182.666	(*)	974.182.666	(*)
+ Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	118.000.000.000	(*)	118.000.000.000	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	170.822.795.858	-	36.301.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	400.000.000	(*)	400.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	35.875.000.000	(*)	35.875.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	26.000.000	(*)	26.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	134.521.795.858	(*)	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.459.050.447	-	149.511.836.217	-
+ Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	-	-	134.521.795.858	(*)
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện	205.489.844	(*)	205.489.844	(*)
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	448.802.603	(*)	448.802.603	(*)
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện TebeA(**)	-	-	13.530.989.912	(*)
+ Công ty Cổ phần Bao bì Hanaka	804.758.000	(*)	804.758.000	(*)
Cộng	1.233.201.101.626	-	1.212.843.894.780	-

(*) : Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết/giá tham chiếu trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này.

(**) : Trong năm, Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện TebeA (trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện - Giảng tay TebeA SVN) theo hợp đồng số 01/2024/HDCN ngày 20/3/2024.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số VIII.02.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	115.041.054.237	152.669.561.516
- Công ty Cổ phần SX Thiết bị điện - CGCN - MBA 100KV - 500KV Tokyo - Japan - Hanaka	-	36.263.518.961
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	-	33.977.953.593
- Tổng Công ty Điện lực miền Trung	23.989.644.160	1.303.261.360
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh – Ban quản lý dự án lưới điện phân phối thành phố Hồ Chí Minh	21.579.812.992	-
- Công ty Điện lực Nghệ An	16.692.949.800	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	52.778.647.285	81.124.827.603
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	607.733.335.593	625.623.132.320
- Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông(*)	368.324.597.799	368.324.597.799
- Bà Nguyễn Thị Minh Phương(*)	108.696.002.598	108.696.002.598
- Ông Mẫn Ngọc Hồng Đức(*)	108.496.002.598	108.496.002.598
- Ông Đặng Quốc Mỹ	22.216.732.598	40.106.529.325
Cộng	722.774.389.830	778.292.693.836

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	71.366.254.754
Phải thu của khách hàng dài hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	585.516.602.995	585.516.602.995
Cộng	585.516.602.995	656.882.857.749

(*) : Khoản phải thu về tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp điện Hana – Korea.

04. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	554.256.415.823	366.165.324.979
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	91.785.600.670	73.996.976.643
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	289.736.170.823	62.798.016.788
- Công ty Tân Hồng Ngọc (TNHH)	-	73.004.736.320
- Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	42.499.569.486	34.899.569.486
- Trả trước cho người bán khác	130.235.074.844	121.466.025.742
b. Trả trước cho người bán dài hạn	121.935.822.961	121.935.822.961
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	97.105.969.000	97.105.969.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	24.829.853.961	24.829.853.961
Cộng	676.192.238.784	488.101.147.940

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	463.126.108.060	203.037.763.717
Trả trước cho người bán dài hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	121.935.822.961	121.935.822.961
Cộng	585.061.931.021	324.973.586.678

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	337.744.172.836	-	323.973.670.464	-
- Tạm ứng	454.386.601	-	696.864.404	-
- Kỳ quỹ, ký cược ngắn hạn	90.101.900	-	90.101.900	-
- Phải thu khác	337.199.684.335	-	323.186.704.160	-
+ Ông Nguyễn Văn Thạch	5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
+ Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	291.460.802.148	-	291.460.802.148	-
+ Ông Vũ Hoài Nam	12.685.000.000	-	12.685.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	27.803.882.187	-	13.790.902.012	-
b. Dài hạn	60.446.802.486	-	60.982.933.390	-
- Kỳ quỹ, ký cược dài hạn	370.065.000	-	370.065.000	-
- Phải thu khác	60.076.737.486	-	60.612.868.390	-
+ Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
+ Thuế GTGT tài sản thuế tài chính	76.737.486	-	612.868.390	-
Cộng	398.190.975.322	-	384.956.603.854	-

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	225.764.832	-
- Nguyên liệu, vật liệu	7.730.863.463	-	22.697.636.287	-
- Công cụ, dụng cụ	1.284.415.271	-	1.287.209.086	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang(*)	2.649.696.849.490	-	1.446.637.875.017	-
- Thành phẩm	2.008.332.727	-	20.692.139.329	-
- Hàng hóa	26.356.767.148	-	7.297.863.354	-
Cộng	2.687.077.228.099	-	1.498.838.487.905	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*): Chi tiết số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo các hạng mục:

	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
- Cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá	247.403.122.467	-
- Khu công nghiệp Gia Bình	1.484.964.047.468	-
- Khu đô thị Hanaka	913.516.062.889	841.832.822.424
- Dự án nhà máy gạch 10ha(**)	-	600.000.000.000
- Hạng mục khác	3.813.616.666	4.805.052.593
Cộng	2.649.696.849.490	1.446.637.875.017

(**): Giảm chi phí sản, xuất kinh doanh dở dang trong năm theo Biên bản họp số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2024 và Quyết định số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka về việc hoàn trả lại tài sản góp vốn là giá trị quyền sử dụng đất tại Đông Tiển.

07. Tài sản dở dang dài hạn

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

- Cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá
- Khu Công nghiệp Gia Bình
- Trung tâm thương mại Hồng Kông (***)
- Các công trình khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
1.299.599.623.571	2.866.593.936.186
-	344.618.915.373
420.846.341.941	1.146.338.969.138
812.708.525.911	1.310.062.074.989
66.044.755.719	65.573.976.686
1.299.599.623.571	2.866.593.936.186

(***): Theo quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về chủ trương đầu tư điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Hồng Kông và căn hộ để bán tại phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, chủ đầu tư của dự án là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka.

Trong năm, Công ty ghi nhận giảm tài sản dở dang dài hạn là một phần giá trị quyền sử dụng đất giá trị 550 tỷ đồng theo Biên bản họp số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2024 và Quyết định số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trưng Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	357.174.646.515	348.443.341.526
- Mua sắm tài sản cố định	3.388.938.654	3.388.938.653
- Xây dựng cơ bản	353.785.707.861	345.054.402.873
+ Khu công nghiệp Hanaka	183.029.757.311	182.792.910.200
+ Trường Olympia, nhà thi đấu, bãi đỗ xe, nhà văn hóa	79.256.138.412	76.151.243.100
+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	58.312.997.535	52.738.971.287
+ Chi phí xây dựng khác	33.186.814.603	33.371.278.286
Cộng	357.174.646.515	348.443.341.526

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	38.983.167.403	21.965.870.602	22.511.223.584	2.066.654.173	85.526.915.762
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	38.983.167.403	21.965.870.602	22.511.223.584	2.066.654.173	85.526.915.762
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	20.946.066.938	21.228.334.229	16.105.560.863	1.913.157.907	60.193.119.937
- Khấu hao trong năm	1.296.812.757	230.703.588	2.027.745.481	61.821.317	3.617.083.143
Số dư cuối năm	22.242.879.695	21.459.037.817	18.133.306.344	1.974.979.224	63.810.203.080
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	18.037.100.465	737.536.373	6.405.662.721	153.496.266	25.333.795.825
2. Tại ngày cuối năm	16.740.287.708	506.832.785	4.377.917.240	91.674.949	21.716.712.682

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 34.296.513.521 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 37.949.877.788 đồng và 16.655.485.984 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	33.508.181.819	33.508.181.819
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	33.508.181.819	33.508.181.819
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	26.406.242.794	26.406.242.794
- Khấu hao trong năm	6.701.636.402	6.701.636.402
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	33.107.879.196	33.107.879.196
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	7.101.939.025	7.101.939.025
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	400.302.623	400.302.623

Tài sản cố định thuê tài chính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 9.490.000.000 đồng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
<i>Số dư đầu năm</i>	889.109.097.613	154.239.930	889.263.337.543
- Mua trong năm	-	-	-
- Giảm khác (*)	(887.800.000.000)	-	(887.800.000.000)
<i>Số dư cuối năm</i>	1.309.097.613	154.239.930	1.463.337.543
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	469.578.191	154.239.930	623.818.121
- Khấu hao trong năm	29.091.060	-	29.091.060
<i>Số dư cuối năm</i>	498.669.251	154.239.930	652.909.181
III. Giá trị còn lại TSCĐ vô hình			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	888.639.519.422	-	888.639.519.422
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	810.428.362	-	810.428.362

Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 154.239.930 đồng.

(*): Giảm tài sản cố định vô hình trong năm theo Biên bản họp số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2024 và Quyết định số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka về việc hoàn trả lại tài sản góp vốn là giá trị quyền sử dụng đất tại 206-208 Đội Cấn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	34.248.178.718	-	-	34.248.178.718
- Quyền sử dụng đất	21.300.000.000	-	-	21.300.000.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	12.948.178.718	-	-	12.948.178.718
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	1.991.171.210	237.319.560	-	2.228.490.770
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	1.991.171.210	237.319.560	-	2.228.490.770
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	32.257.007.508	-	237.319.560	32.019.687.948
- Quyền sử dụng đất	21.300.000.000	-	-	21.300.000.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	10.957.007.508	-	237.319.560	10.719.687.948
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	825.132.719	920.361.015
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	653.124.002	855.699.899
- Chi phí bảo hiểm	117.579.285	60.459.372
- Các khoản chi phí khác	54.429.432	4.201.744
b. Dài hạn	1.475.043.337	2.441.938.457
- Chi phí sửa chữa tài sản	-	423.647.656
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	181.236.527	712.032.536
- Chi phí khác	1.293.806.810	1.306.258.265
Cộng	2.300.176.056	3.362.299.472

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trưng Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay ngắn hạn	883.541.771.942	883.541.771.942	1.223.859.909.674	862.279.463.274	1.245.122.218.342	1.245.122.218.342	
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>544.040.698.091</i>	<i>544.040.698.091</i>	<i>373.636.144.602</i>	<i>423.611.382.549</i>	<i>494.065.460.144</i>	<i>494.065.460.144</i>	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – CN Bắc Ninh ^(a)	99.502.886.632	99.502.886.632	199.642.500.209	199.660.535.500	99.484.851.341	99.484.851.341	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD I ^(b)	168.948.253.148	168.948.253.148	169.863.561.673	208.950.847.049	129.860.967.772	129.860.967.772	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – CN Kinh Bắc ^(c)	275.589.558.311	275.589.558.311	4.130.082.720	15.000.000.000	264.719.641.031	264.719.641.031	
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>107.420.394.953</i>	<i>107.420.394.953</i>	<i>502.530.709.899</i>	<i>253.214.991.698</i>	<i>356.736.113.154</i>	<i>356.736.113.154</i>	
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông ^(d)	55.420.394.953	55.420.394.953	136.474.000.320	191.894.395.273	-	-	
+ Bà Hoàng Thị Thanh Huyền ^(e)	52.000.000.000	52.000.000.000	366.056.709.579	61.320.596.425	356.736.113.154	356.736.113.154	
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>226.183.238.890</i>	<i>226.183.238.890</i>	<i>346.849.335.212</i>	<i>179.555.649.019</i>	<i>393.476.925.083</i>	<i>393.476.925.083</i>	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD I ^(f)	20.000.000.000	20.000.000.000	4.000.000.000	5.250.000.000	18.750.000.000	18.750.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – CN Vạn Phúc ^(g)	66.049.759.144	66.049.759.144	142.559.029.895	66.049.759.144	142.559.029.895	142.559.029.895	
+ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – CN Kinh Bắc ^(h)	112.753.479.742	112.753.479.742	198.330.305.313	80.875.889.871	230.207.895.184	230.207.895.184	
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I ^(k)	26.100.000.000	26.100.000.000	1.400.000.000	26.100.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ^(l)	560.000.004	560.000.004	560.000.004	560.000.004	560.000.004	560.000.004	
- <i>Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả</i>	<i>5.897.440.008</i>	<i>5.897.440.008</i>	<i>843.719.961</i>	<i>5.897.440.008</i>	<i>843.719.961</i>	<i>843.719.961</i>	
+ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam ^(l)	5.897.440.008	5.897.440.008	843.719.961	5.897.440.008	843.719.961	843.719.961	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
b.1. Vay dài hạn	1.912.487.773.764	1.912.487.773.764	1.047.107.943.130	378.658.164.106	2.580.937.552.788	2.580.937.552.788	
Từ 1 năm đến 5 năm	1.911.644.053.803	1.911.644.053.803	1.047.107.943.130	377.814.444.145	2.580.937.552.788	2.580.937.552.788	
- <i>Vay ngân hàng</i>	648.169.743.351	648.169.743.351	217.752.917.440	207.287.900.975	658.634.759.816	658.634.759.816	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD 1 (VND) ^(f)	1.911.644.053.803	1.911.644.053.803	1.047.107.943.130	377.814.444.145	2.580.937.552.788	2.580.937.552.788	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Kinh Bắc ^(h)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-	
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội ⁽ⁱ⁾	643.516.410.033	643.516.410.033	56.903.402.167	202.727.900.971	497.691.911.229	497.691.911.229	
- <i>Vay đối tượng khác</i>	653.333.318	653.333.318	-	560.000.004	93.333.314	93.333.314	
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông ^(e)	-	-	160.849.515.273	-	160.849.515.273	160.849.515.273	
Trên 5 năm	1.263.474.310.452	1.263.474.310.452	829.355.025.690	170.526.543.170	1.922.302.792.972	1.922.302.792.972	
- <i>Vay ngân hàng</i>	1.263.474.310.452	1.263.474.310.452	829.355.025.690	170.526.543.170	1.922.302.792.972	1.922.302.792.972	
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam ^(k)	209.968.000.000	209.968.000.000	24.900.000.000	1.400.000.000	233.468.000.000	233.468.000.000	
+ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam	2.560.886.723	2.560.886.723	6.626.552	2.567.513.275	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Vạn Phúc ^(g)	1.050.945.423.729	1.050.945.423.729	804.448.399.138	166.559.029.895	1.688.834.792.972	1.688.834.792.972	
b.2. Nợ thuê tài chính	843.719.961	843.719.961	-	843.719.961	-	-	
+ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam ^(l)	843.719.961	843.719.961	-	843.719.961	-	-	
Cộng	2.796.029.545.706	2.796.029.545.706	2.270.967.852.804	1.240.937.627.380	3.826.059.771.130	3.826.059.771.130	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2600-LAV-202300178 ngày 22/3/2023 với hạn mức tín dụng 100.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động thực hiện sản xuất kinh doanh máy biến áp, dây cáp điện năm 2021 - 2022. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 22/3/2024. Lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng Nhà điều hành, nhà kho, nhà xưởng, hệ thống cơ sở hạ tầng, đường giao thông nội bộ, gắn liền với đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S608948 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka và Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của bên thứ 3 (Công ty Tân Hồng Ngọc (TNHH); ông Mẫn Ngọc Anh và bà Lê Thu Hà). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa gia hạn hợp đồng cấp tín dụng trên.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/175407/HĐTD ngày 25/12/2023 với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 350 tỷ đồng gồm cả VND và ngoại tệ. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn, L/C, bảo lãnh thanh toán tối đa tại mọi thời điểm là 176 tỷ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, mở bảo lãnh, phát hành LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/09/2024. Thời hạn cho vay và lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản, hàng hóa, vật tư và Quyền đòi nợ/ các khoản phải thu hình thành từ nguồn vốn tài trợ của BIDV. Đồng thời, Công ty Hồng Ngọc (TNHH), Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, Ông Mẫn Ngọc Anh và vợ (nếu có) có văn bản cam kết bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện đối với nghĩa vụ trả nợ của Công ty cho BIDV tương ứng với tỷ lệ vốn góp của mình trên vốn điều lệ.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Kinh Bắc theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng 11/2022/HĐHM/SHB.112100 ngày 29/7/2022 và số 0013/2024/HĐHM-PN/SHB.112100 ngày 28/6/2024 với tổng hạn mức tín dụng 500.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại, sản xuất kinh doanh dây và cáp điện trung, hạ thế và cao thế, hoạt động sản xuất máy biến áp. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày 28/6/2024 đến ngày 30/6/2024. Lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai Dự án đô thị để tạo vốn đối ứng thanh toán cho Dự án Đầu tư xây dựng Đường TL277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong; 120 quyền sử dụng đất thuộc Dự án Khu đô thị để tạo vốn đối ứng thanh toán cho dự án đầu tư xây dựng đường ĐT 277 từ thị xã Từ Sơn đi thị trấn Chờ.
- (d) Khoản vay Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông theo Hợp đồng mượn tiền số 1701/HNK-BDSHK ngày 17 tháng 01 năm 2023 để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất sẽ được thỏa thuận tại ngày hết hiệu lực hợp đồng. Thời hạn vay kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023 đến khi thanh toán hết công nợ.
- (e) Khoản vay ngắn hạn bà Hoàng Thị Thanh Huyền theo các Hợp đồng vay tiền và Phụ lục Hợp đồng để bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất áp dụng trong năm là từ 12,5%/năm đến 18,5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/175407/HĐDA ngày 28 tháng 3 năm 2017 với hạn mức tín dụng 180.000.000.000 đồng để tài trợ các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án: Tổ hợp Khách sạn - Văn phòng- Trung tâm Thương mại Hồng Kông Thời hạn vay 07 năm. Các khoản vay được áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận thả nổi, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay trên được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác kinh doanh dự án của bên vay thuộc dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trưng Hà, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (g) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn phúc theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 443/2021/HĐTĐTDH-PN/SHB.1111600 ngày 11 tháng 11 năm 2021 với hạn mức tín dụng 2.100.000.000.000 đồng để cho vay và phát hành bảo lãnh thanh toán để tài trợ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gia Bình II, Bắc Ninh bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chi phí lãi vay trong vòng 24 tháng đầu tiên của khoản vay. Thời hạn vay là 78 tháng, lãi suất được quy định từng kỳ mức nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền tài sản phát sinh từ việc triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gia Bình II, tỉnh Bắc Ninh và quyền sử dụng đất các lô đất chưa bán của Dự án Khu đô thị Hanaka thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka.
- (h) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Kinh Bắc theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 17/2020/HĐTĐTDH-PN/SHB.112100 ngày 25 tháng 12 năm 2020 với số tiền vay là 714.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng dự án khu đô thị để tạo vốn đối ứng thanh toán cho dự án đầu tư xây dựng đường TL277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (đoạn qua huyện Yên Phong, Km 0+00 đến Km 3+680) theo hình thức BT - (Khu đô thị Hanaka Paris Từ Sơn). Thời hạn cho vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay được quy định tại từng kỳ mức nhận nợ. Tài sản bảo đảm là tài sản theo Hợp đồng thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở số 01/2018/HĐTCTL-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018 ; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 92/2020/HĐTCTC-HB/SHB.112100 ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 127/2020/HĐTCTC-HB/SHB.112100 ngày 25 tháng 12 năm 2020.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 31/2019/HĐTĐTDH-PN/SHB.112100 ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền vay là 365.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng trung tâm thương mại Hồng Kông, khách sạn, căn hộ để bán và căn hộ cho thuê thời hạn vay 05 năm, lãi suất theo từng kỳ mức nhận nợ. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án ĐTXD Đường TL277 theo hợp đồng thế chấp dự án đầu tư số 01/2018/HĐTCTL-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2018/HĐTĐTDH-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018 với hạn mức tín dụng 383.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng thanh toán cho Dự án ĐTXD Đường TL277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (Đoạn qua huyện Yên Phong, Km 0+00 đến Km 3+680) theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao (Dự án Khu đô thị Hanaka 20 ha - phần công trình kiến trúc) tại phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thời hạn vay 66 tháng. Lãi suất vay trong hạn cho 03 tháng đầu tiên là 12,7%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án ĐTXD Đường TL277 theo hợp đồng thế chấp dự án đầu tư số 01/2018/HĐTCTL-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 02/2018/HĐTDTDH-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018 với hạn mức tín dụng 216.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng đường TL277 đoạn đầu tuyến từ Km 0+00 đến Km 3+680 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao (phần điều chỉnh bổ sung 2 tuyến nhánh). Thời hạn vay 66 tháng. Lãi suất vay trong hạn cho 03 tháng đầu tiên là 12,7%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án ĐTXD Đường TL277 theo hợp đồng thế chấp dự án đầu tư số 01/2018/HĐTCTL-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 25/2021/HĐTDTDH-PN/SHB.112100 ngày 29 tháng 10 năm 2021 với hạn mức tín dụng 400.563.000.000 đồng để đầu tư “Dự án đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao, trường tiểu học và các tuyến đường xã Văn Môn, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao BT”. Thời hạn cho vay là 72 tháng, lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền tài sản và toàn bộ quyền, lợi ích phát sinh từ Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở 3,6ha và 26,1ha tại xã Văn Môn, huyện Yên Phong, để tạo vốn đối ứng thanh toán cho “Dự án đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao, trường tiểu học và các tuyến đường xã Văn Môn, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao BT”.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 801700140873 ngày 07 tháng 5 năm 2020. Hạn mức vay 2.800.000.000 đồng với mục đích thanh toán chi phí mua xe ô tô Toyota Land Cruiser (200 series). Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất bán có định.
- (j) Khoản nợ thuê tài chính tại Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2019-00002-000, giá mua là 26.420.000.000 đồng, thời hạn thuê là 60 tháng, lãi suất thuê 9,4%/năm và Hợp đồng thuê tài chính số 2019-00003-000 ngày 31 tháng 01 năm 2019, giá mua là 10.439.000.000 đồng, thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê 9,4%/năm.
- (k) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - SGD 1 theo hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2015/HĐTĐĐT-NHPT ngày 12 tháng 02 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 11/2015/HĐTĐSD-NHPT ngày 29 tháng 3 năm 2024 để đầu tư các hạng mục thiết bị của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất máy biến áp truyền tải 220-500KV công suất đến 450 MVA. Lãi suất vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 9,6%/năm. Thời hạn trả nợ gốc tối đa: 84 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: quý 1/2024, kỳ hạn trả nợ: theo quý. Khoản vay này được bảo đảm bằng các tài sản hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay trên, tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện TebeA	74.112.712.955	74.112.712.955	273.539.958.532	273.539.958.532
- Công ty Cổ phần SX Thiết bị điện - CGCN - MBA 100KV	4.840.970.104	4.840.970.104	163.687.930.879	163.687.930.879
- Công ty Cổ phần SX Thiết bị điện - CGCN - MBA 100KV	1.519.100.850	1.519.100.850	-	-
- 500KV Tokyo - Japan - Hanaka				
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	67.752.642.001	67.752.642.001	109.852.027.653	109.852.027.653
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>				
- Công ty TNHH Rexam A.B.M	-	-	5.896.920.674	5.896.920.674
- Công ty TNHH Rexam A.B.M	-	-	5.896.920.674	5.896.920.674
Cộng	74.112.712.955	74.112.712.955	279.436.879.206	279.436.879.206

Trong đó:

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	4.647.017.593	4.647.017.593	3.767.916.743	3.767.916.743
	4.647.017.593	4.647.017.593	3.767.916.743	3.767.916.743

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	97.223.119.711	88.551.073.855		
- Công ty Legend Bright Enterprises (Hong Kong) Limited	-	58.002.863.762		
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	46.471.549.947	30.548.210.093		
<i>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</i>				
- Người mua trả tiền trước dự án cụm công nghiệp làng nghề Mãn Xá	50.751.569.764	265.076.943.378		
- Người mua trả tiền trước dự án cụm công nghiệp làng nghề Mãn Xá	73.144.104.558	265.076.943.378		
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	15.826.226.534	-		
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	57.317.878.024	-		
Cộng	170.367.224.269	353.628.017.233		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	58.002.863.762
Người mua trả tiền trước dài hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	57.317.878.024	-
Cộng	57.317.878.024	58.002.863.762

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	7.201.685	-	-	-	7.201.685
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	8.304.056.945	8.304.056.945	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.061.601	-	-	-	2.061.601	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	729.791.034	729.791.034	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.503.534.121	2.082.001.241	5.225.634.986	2.082.001.241	3.534.121	3.725.634.984
- Thuế thu nhập cá nhân	-	105.241.166	495.816.579	509.241.904	-	91.815.841
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	477.846.574	-	9.289.936.602	8.240.797.082	-	571.292.946
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	206.397.778	-	-	-	206.397.778
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	171.380.587	171.380.587	-	-
Cộng	1.983.442.296	2.400.841.870	24.216.616.733	20.037.268.793	5.595.722	4.602.343.234

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	48.056.230.869	16.417.803.351
- Chi phí lãi vay	39.231.337.945	11.844.064.664
- Trích trước chi phí xây dựng dự án tại KCN Tam Phước	4.130.236.598	4.130.236.598
- Các khoản trích trước khác	4.694.656.326	443.502.089
b. Dài hạn	87.335.875.272	111.909.016.678
- Chi phí lãi vay dự án 277	-	1.939.094.388
- Chi phí lãi vay dự án BT Văn Môn	-	22.394.484.718
- Chi phí bảo trì cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá	64.528.418.880	64.528.418.880
- Chi phí lắp đặt trạm xử lý nước thải cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá	15.033.312.810	15.033.312.810
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá	7.774.143.582	8.013.705.882
Cộng	<u>135.392.106.141</u>	<u>128.326.820.029</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	93.413.324.104	107.249.173.752
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.927.941.213	1.927.941.213
- Kinh phí công đoàn	220.767.958	223.399.988
- Bảo hiểm xã hội	171.035.472	139.886.809
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	15.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	91.078.579.461	104.942.945.742
+ Phải trả về cổ tức	980.228.800	995.949.400
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	75.505.819.180	79.601.472.786
+ Các đối tượng khác	14.592.531.481	24.345.523.556
b. Dài hạn	228.541.456.784	6.020.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.020.000.000	6.020.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	222.521.456.784	-
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông ^(*)	222.521.456.784	-
Cộng	<u>321.954.780.888</u>	<u>113.269.173.752</u>

(*): Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 0606/2023/HTĐT/HNK-BĐS ngày 06/6/2023 về việc hợp tác đầu tư, hoàn thiện và kinh doanh một số lô đất thuộc dự án Khu đô thị Hanaka.

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	67.287.636.201	44.314.092.965
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>67.287.636.201</u>	<u>44.314.092.965</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.599.000.000.000	68.259.794.872	2.667.259.794.872
Tăng vốn trong năm trước	2.087.800.000.000	-	2.087.800.000.000
Lãi trong năm trước	-	69.608.933.241	69.608.933.241
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
Số dư cuối năm trước	4.686.800.000.000	137.868.728.113	4.824.668.728.113
Số dư đầu năm nay			
Tăng vốn trong năm nay (*)	198.819.000.000	-	198.819.000.000
Lãi trong năm nay	-	12.335.075.143	12.335.075.143
Giảm vốn trong năm nay (**)	(2.186.619.000.000)	-	(2.186.619.000.000)
Số dư cuối năm nay	2.699.000.000.000	150.203.803.256	2.849.203.803.256

(*) Tăng vốn bằng chuyển nợ thành vốn góp theo Biên bản họp số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2024 và Quyết định số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka.

(**) Giảm vốn bằng hoàn trả lại tài sản góp vốn và hoàn trả vốn cho cổ đông theo Biên bản họp số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2024 và Quyết định số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka. Chi tiết giảm vốn như sau:

STT	Tên cổ đông	Số vốn giảm	Hình thức giảm vốn
1	Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	550.000.000.000	Hoàn trả lại tài sản góp vốn là một phần giá trị quyền sử dụng đất của TT Thương mại Hồng Kông
2	Công ty Tân Hồng Ngọc (TNHH)	600.000.000.000	Hoàn trả lại tài sản góp vốn là một phần giá trị quyền sử dụng đất tại Đồng Tiến
3	Ông Mẫn Ngọc Anh	887.800.000.000	Hoàn trả lại tài sản góp vốn là một phần giá trị quyền sử dụng đất tại 206-208 Đội Cấn
4	Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	148.819.000.000	Giảm vốn của cổ đông và thanh toán qua bù trừ công nợ
	Tổng	2.186.619.000.000	

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
+ Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	1.265.442.680.000	46,89	1.815.442.680.000	38,74
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	1.045.937.511.755	38,75	1.897.438.940.000	40,48
+ Công ty Tân Hồng Ngọc (TNHH)	-	-	600.000.000.000	12,80
+ Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	-	-	148.819.000.000	3,18
+ Các đối tượng khác	387.619.808.245	14,36	225.099.380.000	4,80
Cộng	2.699.000.000.000	100	4.686.800.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	4.686.800.000.000	2.599.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	198.819.000.000	2.087.800.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	2.186.619.000.000	-
+ Vốn góp cuối năm	2.699.000.000.000	4.686.800.000.000
- Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	269.900.000	468.680.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	269.900.000	468.680.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	269.900.000	468.680.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	269.900.000	468.680.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	269.900.000	468.680.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	861.072.133.742	1.101.735.547.761
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.759.739.346	26.833.254.532
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	259.109.095.152	301.517.968.265
Cộng	1.138.940.968.240	1.430.086.770.558

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	221.864.408.732	19.485.880.657

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	828.277.759.182	1.057.294.067.938
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.585.562.386	13.166.738.739
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	118.883.693.143	137.664.757.295
Cộng	955.747.014.711	1.208.125.563.972

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	21.929.914	29.584.282
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.664.000	33.328.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	100.493.657	326.272.815
Cộng	139.087.571	389.185.097

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKAKhu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	106.374.517.307	64.345.800.061
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	357.236.611	5.375.242.371
Cộng	106.731.753.918	69.721.042.432

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	322.567.481	1.740.580.471
Cộng	322.567.481	1.740.580.471

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	1.055.091.584	541.425.248
- Các khoản bị phạt chậm nộp và vi phạm hành chính	196.373.247	966.740.765
- Các khoản khác	994.930.084	35.813.448
Cộng	2.246.394.915	1.543.979.461

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	27.062.434.363	33.112.930.876
- Chi phí nhân viên quản lý	8.911.082.695	8.726.305.547
- Chi phí vật liệu quản lý	840.202.772	931.382.986
- Chi phí đồ dùng văn phòng	74.796.919	199.411.115
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.342.144.367	2.545.492.658
- Thuế, phí và lệ phí	4.822.329.398	4.886.635.357
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.350.819.771	919.906.739
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.721.058.441	14.903.796.474
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	7.080.772.020	21.305.867.239
- Chi phí vật liệu, bao bì	-	2.254.181
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.599.960.203	6.123.092.187
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.480.811.817	15.180.520.871
Cộng	34.143.206.383	54.418.798.115

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.225.634.986	2.082.001.241
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.225.634.986	2.082.001.241

09. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	22.973.543.236	26.716.217.664
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	22.973.543.236	26.716.217.664

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	3.340.757.406
- Chi phí nhân công	11.724.041.365	9.465.985.535
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.585.130.165	10.788.478.526
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	649.369.803.796	174.617.482.176
- Chi phí khác bằng tiền	41.878.521.456	73.621.040.447
- Chi phí lãi vay	215.435.820.386	85.393.509.586
Cộng	928.993.317.168	357.227.253.676

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn vào đơn vị khác bằng tài sản	-	76.797.268.382
Góp vốn vào đơn vị khác bằng gốc vay và lãi vay	20.424.458.499	21.741.673.400
Góp vốn vào đơn vị khác bằng công nợ trả trước	-	3.576.756.112
Giảm vốn bằng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	550.000.000.000	-
Giảm vốn bằng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	600.000.000.000	-
Giảm vốn bằng TSCĐ vô hình	887.800.000.000	-
Giảm vốn bằng công nợ phải trả	148.819.000.000	-
Tăng vốn bằng công nợ phải trả	198.819.000.000	-
Lãi vay vốn hóa (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn)	56.692.395.126	-
Lãi vay vốn hóa (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn)	158.743.425.260	152.724.543.741
Lãi vay vốn hóa (Chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	5.686.736.392	5.255.214.337

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>		
+ Ban điều hành	797.415.980	747.328.000
Cộng nợ phải thu	797.415.980	747.328.000
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>		
+ Ban điều hành	86.124.804.287	60.991.774.758
Cộng nợ phải trả	86.124.804.287	60.991.774.758
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.434.155.761	2.435.348.440
Cộng	2.434.155.761	2.435.348.440

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	Cổ đông chiếm 38,74% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần SX Thiết bị điện - CGCN - MBA 100KV - 500KV Tokyo - Japan - Hanaka	Công ty con
- Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	Công ty con
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện - Găng tay Hanaka SVN	Công ty con
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Land	Công ty con
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	Công ty con
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông là con ruột của Ông Mẫn Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka
Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông	Con trai ruột ông Mẫn Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka
Ông Mẫn Ngọc Hồng Đức	Con trai ruột ông Mẫn Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Con dâu ông Mẫn Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	221.864.408.732	19.485.880.657
- Công ty Cổ phần SX thiết bị điện – CGCN – MBA 100KV-500KV TAKAOKA TOKO – JAPAN – HANAKA	178.320.367.470	19.481.768.657
- Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	-	4.112.000
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	31.034.016.213	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	12.510.025.049	-
Góp vốn đầu tư	33.888.196.773	107.237.409.643
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện – Găng tay Hanaka SVN	-	80.374.024.494
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	-	194.731.552
- Công ty Cổ phần SX thiết bị điện – CGCN – MBA 100KV-500KV TAKAOKA TOKO – JAPAN – HANAKA	33.888.196.773	26.665.653.597
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Land	-	3.000.000
Vay ngắn hạn	136.474.000.320	55.420.394.953
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	136.474.000.320	55.420.394.953
Trả gốc vay ngắn hạn	31.044.880.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	31.044.880.000	-
Mua vật tư	438.745.594.153	427.245.235.845
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	-	21.518.700
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	272.345.780.303	427.223.717.145
- Công ty Cổ phần SX thiết bị điện – CGCN – MBA 100KV-500KV TAKAOKA TOKO – JAPAN – HANAKA	166.399.813.850	-
Chi phí thuê tài sản	-	301.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	-	301.000.000
Thuê thầu phụ	542.166.953.316	257.198.735.860
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	542.166.953.316	257.198.735.860
Sử dụng dịch vụ	521.686.800	32.044.000
- Công ty Cổ phần SX thiết bị điện – CGCN – MBA 100KV-500KV TAKAOKA TOKO – JAPAN – HANAKA	125.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	396.686.800	32.044.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	71.366.254.754
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	-	33.977.953.593
- Công ty Cổ phần SX Thiết bị điện - CGCN - MBA 100KV - 500KV Tokyo - Japan - Hanaka	-	36.263.518.961
- Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	-	4.523.200
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	-	1.120.259.000
Phải thu khách hàng dài hạn	585.516.602.995	585.516.602.995
- Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông	368.324.597.799	368.324.597.799
- Ông Mẫn Ngọc Hồng Đức	108.696.002.598	108.696.002.598
- Ông Nguyễn Thị Minh Phương	108.496.002.598	108.496.002.598
Trả trước cho người bán ngắn hạn	463.126.108.060	203.037.763.717
- Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	42.499.569.486	34.899.569.486
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	91.785.600.670	73.996.976.643
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	39.100.267.081	31.341.700.800
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	289.736.170.823	62.798.016.788
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Land	4.500.000	1.500.000
Trả trước cho người bán dài hạn	121.935.822.961	121.935.822.961
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	97.105.969.000	97.105.969.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng công nghiệp Hanaka	24.829.853.961	24.829.853.961
Phải thu khác ngắn hạn	291.460.802.148	291.460.802.148
- Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	291.460.802.148	291.460.802.148
Phải thu khác dài hạn	60.000.000.000	60.000.000.000
- Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng nợ phải thu	1.522.039.336.164	1.333.317.246.575
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	4.647.017.593	3.767.916.743
- Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	3.127.916.743	3.767.916.743
- Công ty Cổ phần SX Thiết bị điện - CGCN - MBA 100KV - 500KV Tokyo - Japan - Hanaka	1.519.100.850	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	58.002.863.762
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	-	58.002.863.762
Người mua trả tiền trước dài hạn	57.317.878.024	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	57.317.878.024	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	55.420.394.953
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	-	55.420.394.953
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	160.849.515.273	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	160.849.515.273	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	160.849.515.273	-
Phải trả khác ngắn hạn	682.715.608	-
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hana - Korea	682.715.608	-
Cộng nợ phải trả	223.497.126.498	117.191.175.458

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 31/3/2024, Công ty có ràng buộc với các bên liên quan như sau:

- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh được bảo đảm bằng các Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty Tân Hồng Ngọc (TNHH); ông Mẫn Ngọc Anh (chủ tịch HĐQT) và bà Lê Thu Hà (vợ của chủ tịch HĐQT). (chi tiết tại thuyết minh số V.13);
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 được bảo đảm bằng văn bản cam kết bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện đối với nghĩa vụ trả nợ của Công ty cho BIDV tương ứng với tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ của Công ty Hồng Ngọc (TNHH), Ông Mẫn Ngọc Anh (chủ tịch HĐQT) và vợ (chi tiết tại thuyết minh số V.13).

03. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2024

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Phượng

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Huyền

Chủ tịch HĐQT



Mẫn Ngọc Anh